

Đại đạo Tam Kỳ Phổ độ

BẢO SANH — NHÂN NGHĨA — ĐẠI ĐỒNG



Tiêu sứ

ĐỨC HỘ - PHÁP

PHẨM - CÔNG - TẮC

GIÁO - CHỦ ĐẠO CAO - ĐÀI



Nhà xuất bản LÊ-VĂN-TRUNG

1955

Tiêu - sứ

ĐỨC HỘ - PHÁP

PHẠM - CÔNG - TẮC

nhân

Tập Ông

lần 24 - 6-55

5-5-AT.Mui

Nhà

Nhà xuất-bản LÊ - VĂN - TRUNG

— 1955 —



Đức Hộ Pháp  
**PHẠM - CÔNG - TẤC**

## Mở đầu

Đạo Cao-Đài là đạo dung hợp tất cả các đạo hiện hữu.

Đức Giáo Tông danh-dự Lý Thái-Bạch đã giáng bút diễn giải về Đạo Cao-Đài trong một buổi đàn-dêm 13 tháng Giêng năm 1927 như sau:

« Hiện nay nhân-loại đang trải qua một thời kỳ khủng-  
«hoảng-trầm-trọng. Trật-tự và thanh-bình thưa xưa không  
«còn-nữa. Luân-lý sụp-dở, nhân-tâm sa-dọa. Đối với  
«những kẻ hoài-nghi, Thượng-Đế chỉ còn là một tiếng  
«suông. Họ không biết rằng trên Cao-Đài kia ngự-trị một  
«Đấng-Chi-Tôn, Chúa-Tề cả Vũ-Trụ và cả số phận  
«loài-người. »

« Xưa kia các dân-tộc vì thiểu phuong-tiền xé-dịch  
«nên-xa-nhau, không biết-tới-nhau. Đức-Chi-Tôn đã tạo  
«nên-trong-những-thời-kỳ-khác-nhau, ở-những-diện-phuong  
«khác-nhau, ngũ-chi của Đại-Đạo :

- 1.— Nhàn-Đạo (KHÔNG-TỬ)
- 2.— Thần-Đạo (KHƯƠNG-THÁI-CÔNG)
- 3.— Thành-Đạo (GIÈ-SU)
- 4.— Tiên-Đạo (LÃO-TỬ)
- 5.— Phật-Đạo (THÍCH-CA-MẦU-NI)

« Mỗi chi đặt nền tảng trên những phong-tục riêng biệt  
của noi phát nguyễn.

« Ngày nay, giữa năm châu, sự giao thông trở nên  
« thuận tiện, Nhân loại biết nhau hơn, cầu mong một  
« cảnh thái bình thực sự. Nhưng vì sự hiện hữu của các  
« Giáo phái mà loài người không sống hòa hợp với  
« nhau được; cho nên Đức Chí-Tôn quyết định hợp  
nhất tất cả ngũ chi để đưa về Đại-Đạo-Cao-Đài duy-  
nhất. »

Đạo Cao-Đài chẳng những có mục đích điều-hòa  
tất cả những tín ngưỡng, mà lại còn thích hợp với tất cả  
mọi trình độ tiến-triển của tinh thần.

I.— Về phương diện luân-lý, Đạo Cao-Đài dạy cho  
người ta bốn phận đối với mình, với gia-đình, với xã-  
hội, với nhân-loại.

II.— Về phương diện triết-lý, Đạo Cao-Đài khuyên  
người ta nên khinh-rẻ xa-hoa, danh-vọng, lợi-lộc,  
thoát khỏi cái ách vật chất để tìm cái yên tĩnh của  
tâm thần.

III.— Về phương diện thờ-phượng, Đạo Cao-Đài  
khuyên nhủ thờ phụng Đức Chí-Tôn, Đấng Cha chung  
của cả loài người và các Đấng Thần-Linh cùng Tô-liên,  
nhưng cấm dâng những đồ lễ mặn và đốt vàng mã.

IV.— Về phương diện thần học, Đạo Cao-Đài đồng  
ý với các đạo khác là có linh hồn; nó tồn tại sau  
khi thể phách chết đi, nó tiến triển bằng những cuộc  
đầu thai liên tiếp theo luật luân hồi.

V.— Về phương diện truyền giáo, Đạo-Cao-Đài truyền  
cho các Tin-Đồ xứng đáng, những điều cái giáo thần  
biết họ có thể, theo quá trình tiến triển của tinh thần,  
tiến tới những lạc thú của chân hạnh phúc.

Đạo Cao Đài là Đạo của Đức Chí Tôn, là Đạo duy nhất có chân giá trị, cao cả và mẫu nhiệm.

Hiện giờ người thay mặt Đức Chí-Tôn tại thế, dè-bảo  
về và phát huy Đại-Đạo là Đức Hộ-Pháp PHẠM-CÔNG-  
TẮC, Chưởng-quản cả Hiệp thiên dài và Cửu-trung-dài

Chúng ta cần phải biết tiêu-sử của Đức Hộ-Pháp, hiểu rõ công nghiệp của Ngài đối với đạo và đời cũng như đối với dân tộc, để có thể hiểu sâu thêm về đạo Cao Đài.

10. *Leucosia* *leucostoma* *leucostoma* *leucostoma* *leucostoma* *leucostoma* *leucostoma*

# I

## Thời kỳ niên thiếu

Đức Hộ-Pháp, Giáo-Chủ Đạo Cao-Đài, Chưởng-Quản nhì Hữu-Hình-Đài, thủa nhỏ sinh nhầm gia đình họ Phạm, tại Bình-Lộc, tỉnh Tân-An, Nam-Việt, lấy tên PHẠM-CÔNG-TẮC. Ông thân sinh ra Ngài làm việc, dời về Bình-Lộc, nên sinh ra Ngài ở đây. Còn chính nguyên-quán của Ngài ở làng An-Hòa, quęo Trảng-Bàng, tỉnh Tây-Ninh. Một điều đặc biệt là Ngài sinh đúng ngày mùng 5 tháng 5 năm Canh-Dần (1890), ngày Khuất-nghuyên tự trầm minh xuống dòng sông Mích-La, ngày Lưu-thần, Nguyễn-Triệu nhập Thiền-thai. Vì sinh nhầm ngày tết Đoan-Ngọ nên, trong gia đình, ai cũng lo khó nuôi được Ngài. Mà thực vậy, Ngài khỏe mạnh hồng hào, thiền-tư dĩnh-ngộ, nhưng thỉnh thoảng tự nhiên cứ ngủ thiếp đi như người chết, linh hồn lạc khuất nơi đâu, khiến cả nhà, nhất là bà cụ cõi luôn luôn thắc mắc lo âu.

Ngài chết đi, sống lại nhiều lần. Thuốc thang chạy chữa đã nhiều mà bệnh nào cứ tái ấy. Ngài thỉnh thoảng vẫn cứ ngủ lịm đi, rồi lại tỉnh dậy, có khi dài ba giờ,

có khi kéo dài nửa ngày. Cho mãi tới năm 17 tuổi, Ngài thiếp đi một lần cuối cùng, lâu hơn cả những lần trước. Khi tỉnh dậy, Ngài còn nhớ tất cả cuộc xuất du của linh hồn, nhớ từng hình ảnh, nhớ từng chi tiết, mà sau này tất cả đều hợp với đời tu hành của Ngài.

### MỘT ĐÊM VỀ TRỜI

Ấy là tháng Giêng năm Đinh-Mùi (1907). Sau khi tham gia phong trào Đồng-Du bị bắt hut, Ngài về quê nhà tạm lánh. Đêm rằm trăng sáng, Ngài ra nằm trên cái sập bán hàng của cô em gái, kê ngay trước hiên nhà. Nhìn ánh trăng huyền ảo, tăm hồn phiêu diêu, Ngài sực nhớ đến bài thơ « Thần-Đồng Văn-Nguyệt » của một ông bạn vong niên đã ngâm cho Ngài nghe; và chỉ nghe một lượt Ngài đã thuộc lòng, tưởng chừng như bài thơ đã được in vào trong tâm khảm Ngài từ tiền kiếp xa xưa nào rồi. Ngài nằm, dám đuổi nhão trao và ngâm:

Thu thiên dạ thanh quang vẫn tĩnh,

Chốn lữ đinh thức tĩnh cảnh khuya.

Tai nghe vắng vắng bốn bề

Gương Nga vắng vắng đưa kè quế lan,

Thấy trăng thêm động lòng vàng;

Ngâm câu văn nguyệt cho đang mây lối

Hỏi đi Nguyệt mây lời sau trược;

Duyên có sao mà được thành thời?

Nguyệt rằng: vật đổi sao đổi.

Thân này trời để cho người soi chung.

Làm cho mỗi mệt anh hùng.

Ngài thu sương tuyêt một lòng thanh quang,

Hỏi đi Nguyệt có đăng lên trời,

Chốn thiềm cung phong mây mươi xa?

Nguyệt rắng ta; lại biết ta,  
Có cây đơn quế ấy là nhà em.  
Anh lùng thử đến mà xem,  
Kia gương Ngọc-thở, nụ rèm thiỷ tinh,  
Hồi dì Nguyệt có tình chẳng ta?  
Chữ xuân thù phỏng đã nhường bao?  
Nguyệt rắng: yếu liễu thơ đào,  
Càng lên càng tỏ, càng cao càng tròn,  
Gương Nga rắng vặc chẳng mòn,  
Bao nhiêu tình đâu là con cái nhà.  
Nguyệt lại hỏi đến người quân-tử:  
Buổi ván lối ai giữ kinh luân?  
Ta rắng: có đặng Thành-quân  
Ra tay dẹp loạn, nên thân tri-bình.  
Nguyệt hỏi ta ngàn ngơ, ngơ ngàn,  
Ta hỏi nguyệt thơ thẩn, thẩn thơ.  
Liễu qua trước gió phất phơ,  
Hương đưa bát ngát, phỏng thơ ngát ngào.

Tiếng ngâm thơ của Ngài vang vang làm lay động  
cả ánh trăng khuya, dập dờn như nỗi sóng. Tâm hồn  
Ngài cũng lặng lặng nhẹ nhàng như mộc cánh bay bổng  
trên chín tầng thịnh không cùng với thanh âm trầm bổng  
của giọng thơ ngâm dâng cao. Một cảm giác khoan khoái  
vô biên tràn ngập lòng Ngài, một khoái cảm êm ái nhẹ  
nhàng, mang mang, không bờ bến. Ngài nhắm mắt đê mê,  
vừa đê lăng lê tận hưởng, vừa đê phân tích nguồn khoái  
cảm kỵ lâу úy.

Và khi mở mắt ra, Ngài thấy chan hòa một thứ ánh  
sáng huyền ảo, chẳng phải là ánh sáng nồng bỏng của

mặt trời, cũng chẳng phải là ánh sáng lạnh lẽo của mặt trăng trên trái đất. Ánh sáng vừa trong trẻo, vừa dịu dàng, vừa đầm ấm, băng bạc khắp cả chung quanh. Còn Ngài thì lững thững trên một con đường trăng như tuyết, phảng phiu, sạch sẽ không vương một mảy may bụi trần, chạy thẳng tắp về phía chân trời xa. Ngài vừa đi vừa tiếp tục ngâm bài thơ «Thần-Đồng Văn Nguyệt»:

Bóng thấp thoáng dần xa đi lại, một bóng người  
Ngài im lặng, chú ý nhìn. Bóng người tiến lại, trông rõ dần... Cách Ngài vài chục thước hiện hiện một vị sư già, nét mău vũ hạn từ bi, minh khoác bộ áo cà-sa vàng. Thấy Ngài có vẻ ngo ngác nhìn, vị sư lên tiếng:

— Em có nhớ «qua» không?

Ngài nhìn lại vị sư, chợt nhớ ra, vội đáp:

— Da.

Chính Ngài đã được gặp vị sư này một lần rồi, cách đây hơn mươi năm, hồi Ngài mới lên mươi tuổi, dường theo học một ông đồ chữ nho. Ngài thường theo hầu thầy đi làn thuốc. Một hôm, ông thầy sai Ngài cản thuốc trong hiệu khách Đức - Vọng ở chợ ngã tư Tây Ninh. Bước vào cửa hàng, Ngài đã thấy, ngồi ở cái kỷ dài đối diện với quầy hàng, vị sư già mặc áo cà-sa vàng trên kia cùng với một ông già râu tóc bạc phơ, trông thật là tiên phong đạo cốt, làm cho ai nhìn cũng phải kính mến.

Ngài đưa tay cản thuốc. Người chủ tiệm cầm lấy toa tính tiền xong, đưa tay chỉ về phía trường kỷ mời Ngài ngồi chơi cùng hai ông khách già.

— Được, chủ đề mặc tôi.

Ngài đứng yên đưa vào quầy hàng nhìn kỹ vị sư và ông già. Hai người chỉ chỏ Ngài, rồi nói chuyện với nhau

Ngài lắng tai nghe, biết rằng hai người đang nói chuyện về tướng số và rõ ràng đang luận về tướng Ngài. Chính Ngài thấy và còn ghi mãi trong ký-ức lời kết luận của nhà sư: «Cậu bé này vào bậc siêu phẩm, sự nghiệp cậu sẽ vô cùng cao cả».

Nhớ đến truyện cũ, Ngài đã định hỏi vị sư về quá khứ, hiện tại, cũng như vị lai. Ngài còn đang suy nghĩ đặt câu hỏi thế nào cho tiện, thì vị sư già hinh như biết ý, mỉm cười kéo tay Ngài:

— Em suy nghĩ gì đây. Thôi hãy đi chơi với qua. Ngài «dẹp» một tiếng, rồi bước theo vị sư như một cái máy. Vị sư giục Ngài bước lên ngang hàng để vừa đi vừa đàm đạo cho dễ dàng. Trên con đường trăng phau-phau, dưới làn ánh sáng trong trăng, dịu dàng, êm ám, vị sư thuyết cho Ngài nghe về tinh thần bác ái và vị tha của Phật-Tồ, khuyên Ngài sau này ráng tu để độ chúng sinh thoát khỏi ách khổ ải của trần gian. Câu chuyện vừa hết thì cũng thấy vừa hiện ra ở đầu đường phía trước một tòa lầu dài nguy nga, một màu trắng tinh như chạm bằng một viên bạch ngọc không-lò.

Đến trước tòa nhà, vị sư bảo Ngài:

— Em chờ qua ngoài này, qua vào nhà một chút nhé. Ngài đứng đợi một mihi. Năm phút qua, mười phút qua, rồi nửa giờ qua mà vẫn không thấy vị sư trở ra. Ngài nóng ruột, gõ cửa gọi:

— Thầy ơi!

Cửa vẫn đóng im im, không một tiếng trả lời.

Ngài gõ cửa, gọi hai ba lần nữa, nhưng chỉ có tiếng Ngài vọng lại; mỗi lần lại càng thêm rõ, làm tăng thêm cái vắng lặng của tòa lâu dài. Sốt ruột, Ngài đi

vòng quanh nhà, tìm xem có lối nào ra vào được chăng. Và nhận thấy tòa lầu-dài có tám cửa giống hệt nhau, cửa nào cũng đóng im im. Qua mỗi cửa, Ngài lại gõ một lần. Vẫn cái im lặng mènh mang bao trùm tất cả. Ngài đã thấy hơi chột dạ, định quay lại tìm lối về. Nhưng bây giờ Ngài mới nhận ra trước mỗi cửa đều có một con đường trắng chạy về một phía chân trời xa. Tám cửa đều giống nhau, tám con đường chăng có gì khác nhau, hướng ra tám phương trời. Ngài còn biết chọn con đường nào. Ngài hối hộp lo lắng.

Giữa lúc băn khoăn ấy, Ngài thấy lập lòe ở phía xa có bóng đèn sáng. Ngài nghĩ thăm trong bụng: « Chỗ có ánh sáng kia hẳn có nhà. Ta hãy tới hỏi thăm xem đây là đâu và nhờ người chỉ cho lối về ».

Ngài bèn hướng theo con đường đi lại phía có ánh đèn. Quả nhiên ở đấy cũng có một tòa nhà mà cửa cũng lại đóng. Ngài đánh bạo gõ cửa hỏi:

— Có ai ở trong nhà không?

Im im. Ngài gõ liên tiếp hai lần nữa. Vẫn im im. Đang lúc Ngài sắp bấn loạn, thì tự nhiên cửa mở, một tiểu đồng hiện ra, đầu đê ba chỏm tóc phất phơ, mặt hồng hào, tròn-trĩnh, dễ thương. Cậu bé bước ra khỏi nhà thì cửa từ từ đóng lại. Cậu chỉ ngay vào mặt Ngài mà nói:

— Anh có phải là anh Tắc không?

Ngài giật mình, không hiểu sao cậu bé lại biết tên mình.

— Ủa, sao em lại biết qua?

Cậu bé mỉm cười như trêu chọc:

— Anh thật dở-dần! Sao tôi lại không biết! Thầy đợi anh ở trong nhà đấy.

Ngài càng ngạc nhiên ;

— Thầy là ai, hở em ?

— Rồi anh sẽ biết. Đì vô thôi.

Nói xong, tiểu đồng quay trở lại, vào nhà. Trước khi bước vào trong nhà, cậu bé ngoảnh lại bảo Ngài :

— Anh theo tôi nhé.

Rồi hắn vào. Ngài nhìn theo : một cảnh tượng làm cho Ngài hơi ấm minh. Phia trong cửa, một con kim-mao hầu năm, hai chân trước duỗi thấp xuống, hai chân sau dựng cao lên, móng đẽ sát vào ngưỡng cửa. Chú tiểu đồng thản nhiên leo lên móng con kim-mao hầu, trèo qua lưng, rồi đứng lên chân trước của con thú dữ trước khi bước xuống nền nhà.

Thấy Ngài ngần ngại không dám tiến bước, chú bé mỉm cười giục :

— Có gì mà sợ. Nó không cắn đâu. Anh cứ theo như tôi, đừng ngại gì cả.

Nghé lời chú bé khuyễn khích, Ngài đánh bạo bước lên móng con linh vật một cách e dè, leo xuống lưng nó, bước xuống bả vai rồi nhảy đại một cái ra xa.

Chú tiểu đồng thấy thế liếc nhìn Ngài, sẽ lắc đầu mỉm cười :

— Anh nhát quá, anh Tắc ạ.

Ngài biết chú bé muốn diều minh, nhưng giả vờ như không biết ngược mắt nhìn chung quanh.

Cái cửa Ngài vừa bước qua, đã tự động đóng lại sau con kim-mao-hầu. Ngài và chú bé đứng trong một hành lang rộng thênh thang. Theo chiều dài hành lang, có năm phòng lớn, mỗi phòng có một cửa, mà cửa nào cũng đóng

kín mit. Hành lang dài rộng, cửa ra vào đều đóng, không có đèn được chỉ cả, mà vẫn sáng, một ánh sáng dịu dàng và trong trẻo. Chú tiều đồng thấy Ngài ngạc nhiên ngắm, liền kéo tay dẫn đến cửa phòng cuối cùng, để Ngài đứng dậy mà dặn :

— Anh chờ đây. Lúc nào thầy kêu, tôi sẽ cho anh hay.

Nói xong, hắn tiến vào, cửa mở ra cho hắn bước qua rồi đóng ngay lại.

Ngài đứng một mình chờ đã lâu mỏi chân mà cũng chưa thấy tiều đồng trở ra. Ngài cũng cố nhẫn đợi chờ, nếu không nghĩ tới trong hành lang này chẳng phải chỉ có một mình Ngài mà còn có con kim-mao-hầu nữa. Nếu con vật nỗi cơn sinh sự, biết làm thế nào ? Hồi hộp Ngài với gõ cửa :

— Em mở cho qua với.

Cửa bật mở. Ngài vào. Chú tiều đồng quắc mắt gắt :

— Anh làm chi mà rỗi lên thế !

Thoảng nhìn nét mặt Ngài, hắn lại dịu giọng ngay :

— À ! anh sợ con kim-mao-hầu chứ gì ! Anh nhát quá. Thôi ở đây mà chờ thầy.

Nói xong, không để Ngài kịp đáp lại, chú bé đi ra lối cửa đỗi điện mới vào lúc nãy. Còn có một mình ở lại trong phòng, Ngài mới chú ý ngắm nhìn chung quanh : Đây là một gian phòng dài đến hai mươi thước, rộng đến mươi thước, bốn mặt tường cũng như nền nhà là một khối кам thạch liền, phẳng, nhẵn lỳ, thực là đẹp. Giữa phòng, có một chiếc bàn hình chữ nhật lớn, mỗi bên kê ba chiếc ghế hành. Ở một đầu bàn lại có kê một chiếc ghế hành nữa, cũng kiểu như sáu chiếc kia, nhưng cao hơn

hơn chút ít. Bàn cũng như ghế làm theo một kiểu mới lạ chưa từng thấy, mặt thì bằng cẩm thạch, vân ngũ sắc, còn chân bàn, chân ghế cùng chỗ dựa lưng, dựa tay đều bằng những giây huyền kết lại vô cùng trang nhã. Ngài ngắm nhìn không chán mắt.

Ngài chờ đã lâu. Ngài muốn gọi chủ tiều-dồng, nhưng e hẵn gây sự nên lại thôi. Giữa lúc Ngài mong mỏi thi cánh cửa từ từ mở ra trước một cái hành lang sâu thăm thẳm. Từ cuối hành lang, thấp thoáng bóng một ông già mặc áo xanh đi lại. Ông cao lớn, râu tóc bạc phơ, áo mầu xanh, tay rộng phất phơ, đầu đội mũ cũng mầu xanh, dáng uy nghi đường bệ. Ông già bước vào phòng, cửa từ từ đóng lại. Ngài chắp tay xá. Ông già thân mệt đưa mắt hiền hậu áu yếm nhìn Ngài suốt từ đầu đến chân. Một niềm hân hoan từ đâu bỗng chan chứa trong lòng, Ngài say nhìn vẻ đẹp siêu phàm của ông già. Ông giống hệt ông già đi với nhà sư mà Ngài đã gặp trong tiệm thuốc bắc đạo nào, chỉ có cách phục sức là khác. Ông đi thẳng lại chiếc ghế hành lón chính giữa, ngồi xuống ung dung, tự tại, hai tay đặt lên thành ghế, đầu hơi ngừa về phía sau, trông thật oai nghiêm, nhưng không kém vẻ hiền từ.

Trong lúc Ngài còn ngây ngất, chăm chú nhìn từng nét mặt, từng điệu bộ, từng cử chỉ, và từng chi tiết trong cách phục sức của ông già thì ông đã lên tiếng:

— Con ngồi đi.

Ngài vâng lệnh, ngồi xuống cái ghế gần nhất. Nhưng ông già chỉ vào chiếc ghế đầu, sát bên tay mặt mà bảo :

— Con ngồi sang ghế này.

Thoạt tiên ông già hỏi thăm Ngài về gia đình, về bà thân sinh ra Ngài, rồi đến anh Hai, anh Ba, chị Tư, cho

đến hết cả mọi người trong nhà. Chỉ có ông thân sinh rá Ngài đã mất rồi, thì ông già không hỏi tôi. Ngài lấy làm lạ sao ông già này lại hiểu rõ gia-dinh nhà Ngài như thế.

Ông lại chỉ rõ từng nét xấu, từng tính tốt của mỗi người ánh em Ngài ; sau hết khuyên nhủ Ngài về đường tu, thân giữ sao cho vẹn đạo đức và tỏ ý đặt nhiều hy vọng vào Ngài trên con đường đạo.

Ngài ngồi lặng yên kinh cần, chân thành lắng nghe những lời thăm hỏi cũng như những lời khuyên nhủ Ông già lộ vẻ hài lòng, nụ cười tươi nở trên mặt đạo mạo ; ông gọi tiểu đồng :

— Con đem bánh cho anh con ăn.

Tiếng ông già kêu vừa dứt, còn âm vang trong phòng thì cửa đã mở. Tiểu đồng ma g vào đặt trước mặt Ngài một đĩa bạc lớn trên đụng đầy bánh còn nóng hổi, khói bốc lên thơm phức.

Ông già giục :

— Con ăn đi !

Ngài ngẫu nhiên nghĩa đĩa bánh. Đấy là những chiếc bánh bột lọc hình tròn. Chiếc nào cũng hai mầu, nửa đỏ, nửa trắng, xếp theo hình chóp nón. Ngài đưa tay nhấc lấy chiếc bánh trên chóp đĩa, bẻ đôi đưa lên miệng, ăn rất ngon lành, vì đi mấy quãng đường dài, bụng đang đói ngấu. Hàng bánh thứ hai có ba chiếc. Ngài lấy ăn thêm một chiếc nữa, bụng đã đỡ đói. Còn đường nghĩ không biết có nên ăn nữa hay không, thì ông già hình như biết ý giục :

— Con ăn nữa đi.

Ngài vâng lời, nhắc đến cái bánh thứ ba, bẻ đôi, ăn xong phần nhân, thấy bụng no, ngán quá, không

sao ăn thêm được nữa. Ngài mới vò hai miếng vỏ bánh, ném xuống gầm bàn.

Biết Ngài đã no, ông già kêu lấy nước. Tiều đồng mang lên một tô lớn bằng vàng, nước đầy tận miệng.

Đi nhiều, mệt, lại ăn hết hai chiếc ruỗi bánh, Ngài cảm thấy khát quá, uống một hơi hết sạch tô nước. Ngài uống đến đâu, ruột mát đến đấy.

Đợi Ngài ăn uống xong, ông già trầm ngâm thong thả nói :

— Hôm nay con ăn hai cái bánh ruỗi, và uống một tô nước. Những thức đó sẽ ám hợp vào cuộc đời hành đạo của con sau này.

Đến đây ông già, như ý không muốn để Ngài có nhiều thi giờ hối cẩn kẽ, liền truyền lệnh cho tiều đồng :

— Con đưa anh con về.

Ngài chấp tay vái chào ông già, rồi theo chân tiều đồng đi ra. Sực nhớ đến con kim mao hầu, Ngài quay lại xin ông già con vật đó. Ông già gật đầu bảo : «Thôi, con cứ về đi, sau này nó sẽ xuống với con»

Trở ra, đến chỗ con kim mao hầu, tiều đồng trèo lên chân trước, leo lên lưng, rồi đứng trên móng nó, thì cửa cũng vừa mở để hắn bước ra ngoài. Cửa khép lại sau hắn, Con kim-mao-hầu tỏ vẻ hiền lành. Ngài lại gần, nó lè lưỡi liếm tay mơn trớn. Ngài bước lên lưng, leo lên móng nó, thì cửa vừa mở. Nhưng bóng dáng tiều đồng đã biến đâu mất. Ngài nhìn xung quanh, lo lắng. Không có hắn dẫn lối thì biết đi đường nào. Ngài kêu lớn :

— Em ơi !

Không thấy có tiếng đáp lại, Ngài kèn liền ba tiếng nữa, mới thấy bụi bông lồng đèn trước mắt sột soạt lay động và chú tiểu đồng nhảy ra quát:

— Anh làm cái chi mà lớn tiếng vậy?

Ngài phàn trề:

— Qua không thấy em, tưởng em đi đâu, mới phải gọi đấy chứ.

→ Thời tôi biết rồi, anh đã bị lạc, bây giờ lại sợ bị lạc nữa chứ gì. Anh lại đây, tôi đeo cho cái này.

Ngài nhìn thấy chú bé đeo ở cổ và ở mỗi bên tai một vòng hoa. Còn hai tay mang hai vòng nữa, giờ lên, dời đeo vào hai tai cho Ngài.

Không muốn làm phật lòng chú bé, Ngài đành phải cùi xuống cho hắn đeo hai vòng hoa lủng-lẳng vào tai. Chú bé thích chí phi cười:

— Thời bây giờ anh theo tôi.

Hai người rảo bước một lát, thì tòa lầu dài tam mặt đã hiện ra trước mắt. Chú bé dẫn Ngài đến một cửa, rồi chỉ hai vết chân in trên bậc:

— Nay anh Tắc, chỗ cửa anh đến còn vết chân anh đây, anh có thấy không?

Rồi dỗi giọng, hắn khuyên Ngài một cách rất dễ thương:

→ Lần sau, anh có đi đâu, phải chú ý nhé.

Nhin kỹ theo tay chú bé chỉ, Ngài thấy hai vết chân mình còn in rành rành ở đó. Ngài chưa kịp trả lời, chú bé đã tiếp:

— Từ đây anh nhớ lối rồi, cứ theo đường cũ mà trở về.

— Em về cả với qua cho vui.

— Ngày giờ chưa thể được, anh ạ. Nhưng sau này, thay sẽ cho phép em xuống với anh. Thời anh về đi, không có ở nhà mong.

Sức nhở mình đã chơi dã lâu, chắc ở nhà chờ đợi lắm, Ngài nói vài lời từ biệt chú bé rồi rảo cảng theo đường về. Đì rảo một lúc, quay lại vẫn còn thấy bóng tiểu đồng. Ngài gắng sức chạy, Ngài chạy hết, sức nhanh, vô ý vấp phải một mỏ đất, té lộn đi một vòng.

Ngài giật mình tỉnh dậy, vẫn vắng nghe thấy tiếng kêu khóc bên tai, vội mở choàng mắt ra, thấy chung quanh tấp nập những người: kẻ thì kéo tóc, người thì dụt tay, lay chân, gọi tên Ngài ầm ĩ.

Ngài gượng ngồi dậy. Trong lúc mơ màng, Ngài hỏi người nhà:

— Con chó của tôi đâu?

Ra Ngài còn nhớ con kim-mao-hầu mà Ngài đã hỏi xin ông già siêu phàm trong giấc mơ kỳ lạ.

### TÌNH THẦN CÁCH MỆNH SỚM NÀY NÓ

Ngài sinh vào năm 1890, thời mà thực dân Pháp đã đặt vững nền đô hộ, trên khắp đất nước Việt-Nam. Ngài lớn lên trong cảnh vong quốc, giữa một xã hội đầy dãy hất công, dân chúng rèn xiết dưới những bóc lột, áp bức của quân ngoại xâm, khác mầu da sắc tóc.

Trước cảnh nước mất chủ quyền, dân sống trong vòng nô lệ, Ngài đã sớm giác ngộ. Tuy còn nhỏ tuổi, mà nhiều đêm Ngài đã thao thức nghĩ đến cách làm sao cho đồng bào cùng đứng lên phá tan xiềng xích, để đòi lấy quyền sống một cuộc đời tự do, độc lập, hạnh phúc.

Trận chiến tranh Nhật-Nga xảy ra vào năm 1905 kết cục bằng cuộc thắng vẻ vang của Nhật là một kích-thích lớn lao cho Ngài cũng như cho hầu hết dân Việt-Nam có ý thức tranh đấu hồi bấy giờ.

Năm 1906, Ngài bắt đầu tham gia vào phong trào Đông-du mà hai nhà lão thành cách-mệnh Phan-Bội-Chau và Phan-Chu-Trinh đang cho người vận động tuyên truyền và khuyễn khích khắp nơi. Năm ấy Ngài 17 tuổi, đang học năm thứ hai trường Chasseloup Laubat. Lúc đó phong trào Đông-du ở Saigon do hai ông Dương-Khắc-Ninh và Gilbert Chiểu, lãnh đạo Hai ông đã dẫn dắt ba tốp xuất dương. Tốp thứ tư có tên Ngài. Dương hồi niên thiếu đầy phấn khởi bồng bột, Ngài nuôi trong lòng bao nhiêu mộng đẹp viễn phương. Nhưng tốp thứ tư không có cái may mắn như ba tốp trước. Màn bí mật bị khám phá. Mật thám Pháp đã đến khám sở Minh-tân công nghệ là chỗ hay lui tới của hai ông Ninh, Chiểu mà cũng là trụ sở của phong trào Đông-Du tại Saigon. Nhờ được ông Ninh bình tĩnh và lẹ tay hành động nên đã tiêu hủy kịp thời hết mọi tài liệu, thành ra tuy bị bại lộ mà không ai bị lôi thôi bắt-bớ chi cả. Tuy vậy mật thám Pháp đã chú ý, luôn luôn cho người theo dõi, dò xét các tay lãnh đạo và chính Ngài cũng bị chúng để ý. Năm năm đó, Ngài nghỉ học, về quê ở Tây-Ninh tạm tránh những con mắt dòm ngó.

Ngài không xuất dương theo phong trào Đông-du được năm ấy, áu cũng là thành ý của Đức Chí-Tôn muốn giữ Ngài ở lại để trao cho những nhiệm vụ cao cả hơn sau này.

## II

### Buổi tráng niên

Tuổi càng lớn, tinh thần cách mệnh càng cao cung như tâm lòng băn khoăn tim đường đạo của Ngài một ngày một rõ rệt.

Tuy năm hai mươi tuổi ra làm thư-ký sở Thương-Chánh, rồi năm hai mươi mốt tuổi vàng lệnh thàn-mẫu thành lập gia đình, Ngài không nhiễm những thói tục tầm thường của trần gian. Ngài không như phần đông các đồng nghiệp, sống không băn khoăn, không lý tưởng, chỉ biết tháng tháng lĩnh lương về hú hý với vợ đẹp, con khôn, mặc tất cả thiên-hạ sự, đồng bào đau khổ, nước non voi đầy.

Đời sống công chức không có ảnh hưởng đến đời sống của Ngài, mà gia đình thân yêu cũng không trói buộc được Ngài, không ngăn cản được Ngài trên bước đường lý tưởng.

Sau kỵ dự định Đông-Du lở dở, Ngài trở về quê nhà một thời gian, rồi lại lẩn mình vào trường tranh đấu. Ngài hoạt động trong bí mật, viết cho nhiều báo

nhiều: Công Luận, La Cloche fêlée, La voix libre, Lực-tinh Tân-văn, Nóng-cỗ Mìn-dàm, v.v... Ngài đã tranh đấu trong thời kỳ khó khăn nhất của dân tộc, khi biết bao nhiêu người còn u mê, chưa thức tỉnh.

Ngài lại giàu tình thương đời, nhất là thương kẻ cõ đơn, truỵ lạc. Trong thời kỳ này, Ngài đã làm một cử chỉ rất ý nghĩa. Đang làm công-chức trong sở Thương-Chánh, đồng tiền chẵng được dồi dào chi lăm, vậy mà Ngài dám vay nợ để giúp giải phóng một đoàn nho-nữ ra khỏi chốn thanh-lâu cho họ thoát vòng nhục nhã, được trở về đời sống lương thiện, hưởng hạnh phúc gia đình.

Trong lúc Ngài hoạt động tranh đấu cho hạnh phúc của Quốc-Gia dân tộc, và làm những việc thiện hàng ngày để cứu giúp những kẻ cõ đơn chung quanh, Ngài còn có một nỗi băn khoăn lớn lao hơn nữa là tầm đạo để giải thoát cho cả loài người khỏi khổ ái. Ngài sinh ra trong một gia đình Công-Giáo, nhưng đạo cứu thế với lòng bác ái của đức Giêsu chưa chiếm hết được lòng tin của Ngài. Ngài có óc phán đoán và nhận thấy rằng đạo Phật khuyên người từ bi hỷ xả, đạo Lão đặt trên nền tảng dưỡng tính tὸn chán, đạo Khổng dịu dắt người đời trên con đường trung dung, đều có những ưu điểm, giúp cho loài người đi lên con đường sáng không phải ít. Vì vậy Ngài hẩn khoan, đêm ngày suy nghĩ, muốn tổng hợp cả 4 đạo lớn, hiện có trên thế gian, và do đây tạo nên sự hòa hợp giữa hai nền Văn-Minh Đông-Tây. Việc đó không phải là không tưởng, vì tất cả các vị tổ-sư của các môn phái đều hướng tư tưởng về một điểm chung: Thiện và Mỹ. Như vậy những tư tưởng đó rất có thể hợp nhất được.

Để đạt mục đích trên, Ngài cùng mấy người bạn thân, nghiên cứu và so sánh những giáo lý của bốn đạo. Một

nhận xét chung được nêu lên : cứu cánh chỉ có một, còn phương tiện thì khác nhau. Và một hoài bão chung được phát biểu : kết tinh cả bốn đạo thành một đạo lớn duy nhất cả về tín ngưỡng lẫn phương tiện thực hành.

Nhưng hành động thế nào để thực hiện sự kết tinh đó ?

Thật là một công cuộc khó khăn vượt sức lực của người trần gian.

Khi đó Đại-Úy Bonnet, một người bạn của Ngài ở Pháp sang. Ông là một con đồng vẫn ngồi cảm thông với các thần linh, trong các cuộc giáng thần. Ông rất chú ý đến sự nghiên cứu của nhóm Ngài, nhưng ông cũng không quan niệm nỗi là có thể tổng hợp những phương tiện thực hành của các đạo. Ông khuyên nên cầu xin các дâng thần linh chỉ giáo. Và một đàm cầu cơ được tổ chức. Những lời khuyên của дâng thần linh sau đây đã cho Ngài và các bạn Ngài cái chìa khóa mở cửa bí mật để thông hiểu vấn đề khó khăn huyền diệu kia :

« Tín ngưỡng bắt nguồn ở lương-tâ n. Lương-tâm khác nhau tùy theo trạng thái tinh thần của mỗi con người. « Nó không có cá tính, cũng chẳng bao giờ bị tiêu diệt, « bởi vì nó thoát sinh ra ở nơi Thượng-Đế. Vậy tự do « tín ngưỡng phải được tôn trọng cho tất cả mọi con « người, nhưng sự hòa hợp trong tinh thần Chân, Thiện, « Mỹ phải là một nhiệm-vụ bắt buộc.

### III

## Thời kỳ ngộ đạo

Sáng-lập đạo Cao-Đài.—Trong thời kỳ 1920-1926. Ngài cùng với các ông Cao-huynh-Cư, Cao-huynh-Diêu, Cao hoài-Sang, Nguyễn-trung-Hậu, Trương-hữu-Đức, Trần-duy-Nghĩa, Trương-vạn-Trạng v.v... lập thành một nhóm, tiếp tục tìm cách thông cảm với cõi u-linh bằng cách phụ bàn ba chân ở một nhà tại đường Bourdais. Trong các vị Tiên, Thánh, Thần, Phật, có một vị giáng cơ không chịu xưng danh, dấu các người dự cuộc cầu xin máy cũng vậy. Mỗi lần vị ấy giáng cơ chỉ xưng hiệu A, Ă, Â. Tri thần thông quảng-bá của vị ấy làm tất cả mọi người khâm phục. Đối với những câu hỏi khó khăn nêu lên để thử thách, vị A, Ă, Â đều trả lời dễ dàng và hợp lý bằng những câu thơ rất hay cả về từ lẵn ý.

Cho mãi đến đêm 24 tháng 12 năm 1925, vị A, Ă, Â mới cho biết mình là Đức Chi-Tôn sáu biển dương-chân-lý trên lãnh-thổ Việt-Nam dưới danh hiệu Cao-Đài.

Từ đây, tất cả nhân-viên trong nhóm của Ngài trở thành tín đồ của Cao-Đài Tiên-ông. Không bao lâu một người Pháp là Latapie, công-chức sở Thương chính, gia nhập nhóm này. Latapie là tín đồ Âu-Châu đầu tiên của đạo Cao-Đài vậy.

Ngày 28 tháng 1 năm 1928 theo lệnh của Đức Chí-Tôn, Ngài cùng ông Cư, đến tìm Ngài LÊ-VĂN-TRUNG, Cựu nghị-viên trong Hội đồng thuộc-địa và cựu nhân-viên trong Hội-dồng Tứ-vấn ở Chợ-lớn. Một đàn cầu cơ được tề-chúc và sau đó Ngài LÊ-VĂN-TRUNG thành tín đồ Cao-Đài.

Ít lâu sau, Ngài lại cùng các ông Trung, Cư, Sang và Hậu theo lệnh Đức Chí-Tôn đến nhà Ông Phủ Ngõ-văn-Chiêu để hỏi về lai lịch Thiên-Nhõn và để thực hiện sự phối hợp hai nhóm tại Saigon. Nhóm Ông Phủ Chiêu, sau khi tiếp đón ân cần, nhận có thờ Thiên-Nhõn và đưa cho Ngài cùng các bạn xem kiều vẽ. Ngày hôm đó có sự kết hợp của hai nhóm theo lệnh của Đức Chí-Tôn. Ông phủ Ngõ văn-Chiêu được coi như là người Anh Cả của tất cả các Tin-Đồ Cao-Đài, vì ông là người thứ nhất đã được những lời truyền dạy của Đức Chí-Tôn về đạo Cao-Đài và cách thức thờ phượng Thiên-Nhõn.

Số tín đồ của Đức Chí-Tôn lúc đó có 12 người: Ngài cùng các ông Chiêu, Kỳ, Trung Hoài-Sanh, Bản, Sang, Quý, Giảng, Hậu, Đức, Cư. Ngày mồng 1 tháng Giêng năm Ất-Hợi (Tháng hai năm 1926) Đức Chí-Tôn có giáng trong một buổi cầu. Sau khi khen ngợi lòng

gắng gỏi của mỗi người, Đức Chí-Tôn có lưu lại một bài thơ kỷ niệm :

*Chiêu kỳ trung độ dân hoài sanh  
Bản đạo khai sang quý giảng thành  
Hậu đức tặc cư thiên địa cảnh  
Huyền minh mân đặc thủ đài danh.*

Ngày 23-8 năm Bính-Dần có một buổi cầu cơ long trọng được tổ chức tại nhà Ông Võ-văn-Cường ở số 245 Đường GALLIÉNI. Bản danh sách Tin-Đồ Cao-Đài được thành lập và một bản tuyên ngôn chính thức được khởi thảo để gửi cho Chính Phủ Pháp có tất cả 245 người ký. Trong số những người ký, có những Công-chức đủ mọi ngành, có những thương-gia, kỹ-nghệ-gia và văn-gia đủ các hạng...

### THIÊN PHONG HỘ PHÁP

Một đêm đàm long trọng không tiền khoáng hậu lập nên vào năm 1927 tại nhà Ngài Quyền Giao-Tông Lê-văn-Trung, đường Tống-Đốc-Phương trong Chợ-lớn. Đêm ấy tất cả có 19 người. Trong số đó có Ngài, Ngài Quyền Giao-Tông Lê-văn-Trung, ông Cao-Thượng-Phẩm, ông Phủ-Chiêu v.v...

Sau khi Đức Chí-Tôn xuống cơ trục xuất ông Phủ-Chiêu, rồi nhập vào người ông Cao-Thượng-Phẩm, cầm nhang bước lên bàn thờ và khám thờ Thiên Nhơn. Lúc bấy giờ Ngài đứng ở sau, không nhầm chỗ. Đức Chí-Tôn cầm nhang, dẫu không nói ra lời, nhưng đã dùng

huyền diệu cho Ngài cầm thông biết rằng : Chỗ của Ngài đứng là ở trên bàn thờ đối diện với bàn thờ Đức Chí-Tôn. Ngài bước lên chỗ Đức Hộ-Pháp phải đứng từ đây, mỗi lần có đàn đại lê.

Thế là Đức Chí-Tôn đã ban cho Ngài chức Chưởng Quản Hiệp-Thiên-Đài, trực tiếp dưới quyền có Thượng-Sanh và Thượng-phẩm.

Ngài là người nắm cơ mầu nhiệm của đạo, nắm luôn cả nền đời thiết thực, xủ đoán chư chức sắc thiên phong, và cả chư tín-dồ, giữ gìn cho đạo khỏi quy phàm, nâng đỡ cho đời vào thánh-vị.

Ngài Quyền Giáo-Tông Lê-văn-Trung đăng tiên năm 1933, giỗ xong tang vào ngày 8 tháng 11-1935. Những cuộc lễ vĩ đại được tổ-chức tại Tòa-Thánh, Sà-Ninh vào ngày 8, 9, 10 tháng 11 Dương-Lịch, có hàng vạn tín-dồ các nơi về dự kiến.

Một đại hội đồng gồm cả Nhân-sinh và Hội-Thánh tập hợp vào những ngày 11, 12 sau ba buổi hội-lễ để giải quyết vấn đề cử người thay thế Ngài quyền Giáo-Tông đã đăng tiên.

Tất cả Hội Nhân-sinh và Hội-Thánh đều đồng thành hoàn toàn đặt lòng tin nhiệm nơi Ngài cầm quyền thống nhất chánh trị đạo cho đến ngày có đầu sanh chính vị.

Ngài được thiên phong chức Chưởng - Quản Hiệp-Thiên-Đài, nay Ngài Chưởng - Quản thêm cả Cửu-Trùng Đài, thay mặt cho Đức-Chí-Tôn, đăng bảo-tồn đạo, tại thế cùng du dắt các con cái của Đức Chí-Tôn trên đường đạo.

## IV

### Những trở lực trên đường hành đạo

Ngài và các chức sắc đạo Cao-Đài, lúc nào cũng tận tâm, lao khỗ, len lỏi truyền bá Đạo Trời, vì đều có ý thức rằng: Đạo Cao-Đài khai trễ ngày nào là hại nhân sinh thêm ngày ấy. Nhưng một số người vô lương, quá thiêng về bá lợi danh, dựa theo quyền đời, ám hại người đạo, đồ mưu vu cáo, phao truyền làm cho Hội-Thánh Cao-Đài phải rời rã và Ngài phải lưu vong một thời gian.

Chúng dịch và chú giải những pháp-luật của đạo Cao-Đài như Pháp-Chánh-Truyền, Tân - Luật, đạo Nghị-định, Hội-thánh, Hội-Nhân - sanh, Tòa-Tán-Giá-<sup>Tan</sup>, Cửu-Viện... ra là Thượng-Nghị-Viện và Hạ - Nghị - Viện, Cửu-Bộ Đài Quan, Tòa-Án, Tòa-Bố .. rồi vu cáo cho đạo Cao-Đài là có âm mưu đồ vương định bá, Đạo Cao-Đài lập một nước nhỏ trong một nước lớn và chủ trương Quản-Chủ Lập-Hiển.

Ngày 23 tháng 7 Canh-Thìn (1940), lính mật-thám vào

châu-vi Thánh-Địa, xé giấy tờ và đóng cửa Bảo-An-Tử.

Ngày 8 tháng 11 Canh Thìn (1940), lính mật-thám đem 5 xe ô-tô lớn vào Tòa-Thánh bắt các chức sắc và đạo-hữu giải ra Tây-Ninh.

Ngày 25-5, Tân-ty (1941), Chánh - phủ-Pháp ra lệnh cấm nhàn-công tao-tác Tòa-Thánh.

Ngày 4 tháng 6 Tân-Tỵ (1941), đúng 8 giờ sáng, Mật-Thám vào Tòa-Thánh, bắt Đức Hộ-Pháp.

Ngày 9 tháng 7 Tân-Tỵ (1941), chủ-quận và một số đồng-cố-và lính vào châu-vi Tòa-Thánh xé giấy thuế thán các, đạo-hữu Cao-Đài và ra lệnh đuổi tất cả người ở các tỉnh về xứ mình, cấm không cho những người các tỉnh về ở trong châu-vi Tòa-thánh Tây-Ninh.

Ngày 11 tháng 7 Tân-Tỵ (1941), lính-mật-thám vào Tòa-Thánh bắt 4 vị-chức-sắc Thiên-Phong và bắt thêm tại Saigon một vị Đại-Thiên-Phong.

Ngày 7 tháng 8 Tân-Tỵ (1941) quân đội Pháp chiếm đóng Tòa-Thánh; Ngày 25 tháng 10 Tân-ty, lính-mật-thám vào Tòa-thánh bắt thêm ba vị-chức-sắc nữa.

Ngày 7 tháng 3 Nhâm-Ngo (1942) quân đội Pháp xung-công trường học, kho-sách. Ngày 20 tháng 3 năm Nhâm-Ngo, quân đội Pháp và chủ-quận xung-công, tắt cả ván-phòng và chiếm đóng bao-trùm châu-vi Tòa-Thánh.

Trong khi quân giặc khống-bố các tin đồn tại Tòa-Thánh, thì chúng đưa đầy Đức-Hộ-Pháp sang Madagascar, dưới chiếc tàu Compiègne vào ngày 27 tháng 7, năm 1941, cùng 5 vị-chức-sắc.

Cùng đi đầy trong chuyến đó có: nhiều nhà cách-mạng như các ông Nguyễn-Thế-Truyền, Nguyễn-Thế-Song

Ngô-văn-Phến... Ngài Hộ Pháp cũng như các vị chức sắc, tới Madagascar phải cầu lưu trong trại giam cho đến ngày 24 tháng 11 năm 1944 mới được ra ngoài làm việc.

Khi quân Đồng Minh thắng thế, phe De Gaulle giải phóng nước Pháp, Ngài mới được tha và đưa về Việt Nam ngay 1 tháng 10 năm 1946.

Thế là Ngài phải biệt xứ, xa các tin đồn trong khoảng thời gian 5 năm 2 tháng 3 ngày.

Trong những ngày đi đầy lao khổ nơi viễn xứ, Ngài đã được Đức Chí Tôn che chở, nên bao tai nạn đều qua khỏi.

Một lần xe ô tô chở Ngài cùng mấy chục người từ đầy, qua một chiếc cầu bắc ngang sông. Xe đang đi trên cầu cao, thì cầu gãy, xe đâm xuống sông, đêm theo cả bao nhiêu người, thế mà không ai bị chết hoặc bị thương.

Một lần nữa, chuyến xe chở từ trong đó có Ngài, đang leo lên dốc núi thì, bị thụt lùi, lăn từ trên cao xuống. Chỉ một chút nữa là lao xuống vực thẳm tan thành cả người lẫn xe. May sao, một gốc cây bên bờ vực thẳm đã đón lấy chiếc xe và ngăn lại kịp.

Cả hai lần, mọi người trong xe đều sung sướng, chỉ Ngài mà xung tụng: «Chúng ta thoát chết đều là nhờ Ông lão này». Rồi họ cười ấm ỉ, hồn nhiên vui vẻ, và từ đấy ai ai cũng có cảm tình với Ngài.

Về đến nước nhà vào cuối năm 1946, Đức Hộ Pháp lại phải đối phó với bọn vô thần có chủ trương diệt các tôn giáo.

Người Pháp theo chánh, người Anh đột nhập Sai-Gon, mưu mô tái chiếm VN. Các tín đồ Cao-Đài cũng như các con yêu của Tò-Quốc, đều đứng dậy mang tám vòng đanh quấn xám-lặng. Phong trào Quốc-Gia kháng chiến dâng cao. Cộng-Sản V.M. sợ đoàn thể mình sẽ chìm đắm trong phong trào Quốc-Gia kháng chiến, mới tìm cách tiêu diệt dần các Giáo-phái cũng như các Đảng-Phái Quốc-Gia. Bao nhiêu tín đồ Cao-Đài đã bị khủng bố, đã bị mất tích, đã bị chết bởi bàn tay V.M. đậm máu.

Thế chịu đựng đã đến mức cùng, không sao có thể đoàn kết với kẻ chí tâm giết mình, các tín đồ Cao-Đài đã phản kháng lại.

Việt-minh chẳng những khủng bố các tín đồ Cao-Đài tại địa phương, mà lại còn đem quân vây hãm cả Tòa-Thánh. Nhờ có uy đức của Ngài, quân đội Cao-Đài đã thành lập, đầy lui được quân độc-tài khát máu, man dã, bảo vệ Tòa-Thánh, để các chức-sắc có thể tiếp tục hành đạo và các tín đồ có thể thờ phụng Đức Chí-Tôn trong an-ninh trật-tự.



# V

## Công nghiệp

Ngài là một trong những tín đồ được Đức Chí-Tôn chọn lọc đầu tiên, lại sớm được Thiên-Phong Hộ-Pháp chưởng-quản Hiệp-thiên Đài, giữ gìn mỗi đạo buồi đầu cùng với Ngài quyền Giáo-Tông Lê-Văn-Trung.

Sau khi Ngài Lê-Văn-Trung đăng tiên. Ngài chưởng quản cả nhì Hữu-Hình-Đài, dẫn dắt các tín đồ cả về Đạo lâm Đài.

Ngài là một người có kỵ-tưởng trời ban một cách rất huyền bí. Nhờ uy tín và quyết tâm của Ngài, Đạo Cao Đài phát triển không ngừng, dầu gặp bao nhiêu trở lực khó khăn.

Công nghiệp vĩ đại của Ngài bao gồm:

- 1) Xây dựng Đền Thánh.
- 2) Theo lời dạy bảo của Đức Chí-Tôn, tổ chức Hội Thánh và Hội Nhàn-sanh.
- 3) Phát triển Đạo ra khắp bốn phương.
- 4) Thành lập quân đội để bảo vệ Đạo và tranh đấu giải phóng dân tộc.

## A.—CÔNG CUỘC XÂY DỰNG ĐỀN THÀNH.

Đền Thành là một công trình kiến trúc làm cho các du khách ngoại quốc phải khen phục vì những tính cách tân kỳ và vĩ đại. Đức Giáo-Tông Danh dự Lý-Thái-Bach đã gián tiếp chỉ dẫn tỉ mỉ, về kiều mẫu cũng như về cách xây dựng ngôi đền thiêng liêng, qua Đức Hộ-Pháp PHẠM-CÔNG-TẮC. Không ai có thể tưởng được một công trình tân kỳ và vĩ đại như thế, có thể thực hiện chỉ bằng công quả các tin đồ thập phương trong những phương tiện rất eo hẹp. Một đặc điểm là tất cả những thợ xây, thợ hàn trong thời kỳ xây dựng Đền-Thành đều phải thủ trình để gác một bầu không khí trong sạch, thiêng liêng.

Nền móng bắt đầu đặt năm 1933, đến năm 1936 mới khởi công xây lên và cất xong vào năm 1941. Đền chưa kịp trang hoàng thì Đức Hộ-Pháp bị dày trong một thời gian hơn 5 năm, nền công cuộc phải tạm đình. Năm 1946, Ngài trở về, mổm tiếp tục sửa sang lại và trang hoàng rực rỡ. Đền Thành mở cửa ngay từ năm 1947. Nhưng mãi tới năm 1954 mới hoàn thành hẳn và khánh thành vào đầu tháng Giêng năm Ất Mùi (1955).

Đền Thành dài 145 thước, rộng 40 thước, cao 36 thước, về phía gác chuông Hiệp-Thiên-Dài, 25 thước nối Cửu-trùng, dài và 30 thước nối Bát-quai-dài, quay mặt về hướng tây, trang hoàng rất mỹ thuật bằng lát cả những biếu-hiệu của Tam Chỉ Ngũ-Giáo.

## B.—CÔNG CUỘC TỔ CHỨC HỘI-THÀNH VÀ HỘI NHÂN-SANH

Theo đúng Pháp-chân-truyền của Đức Chí-Tôn ban xuống, Ngài đã tổ chức Hội Thành cũng như Hội Nhân-sinh rất có quy củ phép tắc chưa từng thấy ở các đạo-thể

gian. Nhờ vậy mà nền đạo được vững vàng và phần đời cũng được sống yên vui trong một bầu không khí hòa hài tươi tốt.

Quyền điều khiển cả đạo lân đài thuộc về ba cơ quan tối cao :

Cửu-Trùng-Đài, Hiệp-Thiên-Đài, Cơ-quan Phước-thiện.

**CỬU-TRÙNG-ĐÀI.**— Do Đức Giáo-Tông Chưởng-quản, giữ quyền hành chính, dù dắt các tín đồ trên đường Đạo cho khỏi phạm Thiên-Điều.

Các chức sắc Cửu-Trùng-Đài theo thứ tự trên dưới có:

1)	Giáo-Tông	.....	Một Vị
2)	Chưởng-Pháp	.....	2 —
3)	Đầu-Sư	.....	3 —
4)	Chánh-Phối Sư	.....	3 —
5)	Phối Sư	.....	36 —
6)	Giáo-Sư	.....	72 —
7)	Giáo-Hữu	.....	3000 —
8)	Lễ-Sanh	.....	Vô hạn định
9)	Chánh-trị-sự	.....	—
10)	Phó-trị-sự	.....	—
11)	Thông-sự	.....	—
12)	Tin-Đồ	.....	—

Cửu-Trùng-Đài có 9 viện phụ giúp : Lại-viện, Lê-viện, Hòa-viện, Hộ-viện, Lương-viện, Học-viện, Nông-viện, Công-viện, Y-viện.

**HIỆP-THIỀN-ĐÀI.**— Do Đức Hộ-Pháp Chưởng-quản, giữ quyền lập-pháp để bảo vệ đạo, cõi các ông Thượng-Phẩm và Thượng-Sanh trực thuộc. Ba vị trên điều khiển thập nhị thời quản. Các chức sắc bên Hiệp-thiên-Đài theo thứ tự trên dưới sau đây :

- 1) Hộ-Pháp
- 2) Thượng-Phẩm
- 3) Thượng-Sanh
- 4) Tiếp-Pháp
- 5) Tiếp-Đạo
- 6) Tiếp-Thế
- 7) Khai-Pháp
- 8) Khai-Đạo
- 9) Khai-Thế
- 10) Hiển-Pháp
- 11) Hiển-Đạo
- 12) Hiển-Thế
- 13) Bảo-Pháp
- 14) Bảo-Đạo
- 15) Bảo-Thế

Các chức sắc thứ hạng của Hiệp-Thiên-Dài có:

- 1) Tiếp-Dẫn-Đạo-Nhân
- 2) Chưởng-Ẩn
- 3) Giám-Đạo
- 4) Cải-Ẩn
- 5) Thủ-Sứ
- 6) Truyền-trạng
- 7) Sỹ-Tái
- 8) Luật-Sư

**CƠ-QUAN PHƯỚC-THIỆN.** — Có nhiệm vụ trông nom, săn sóc các ông già, bà lão, các mẹ già, con côi, các người làng tịt, trong đạo cũng như ngoài đạo. Và nàng đỡ, về tinh thần cũng như về vật chất, gia đình những vị chức sắc đã nguyện xuất gia để hoàn toàn nhập đạo.

Các chức sắc của Cao-Quan Phước-Thiện gồm có :

- 1) Phát-Tử
- 2) Tiên-Tử
- 3) Thánh-Nhân
- 4) Hiền-Nhân
- 5) Đạo-Nhân
- 6) Chân-Nhân
- 7) Chí-Thiện
- 8) Giáo-Thiện
- 9) Hành-Thiện
- 10) Tinh-Thiện
- 11) Tân-Dân
- 12) Minh-Đức

### C. — PHÁT TRIỂN ĐẠO RA KHẨP BỐN PHƯƠNG

Tuy Đạo Cao-Đài bị thực-dàn Pháp, phát-xít Nhật và Cộng-sản Việt-Minh khủng bố phá hoại bao nhiêu lần, nhưng nhờ sự quyết tâm và trí sáng suốt của Đức Hộ-Pháp dẫn dắt, nên mỗi ngày một bành trướng.

Năm 1926 lứa thưa mới chỉ có mấy chục tín đồ. Thế mà số tín đồ hiện nay đã lên tới gần hai triệu. Đạo Cao-Đài chẳng những chỉ bành trướng trên giải đất Nam-Việt mà thôi, Đạo đã lan ra Trung-Việt, Bắc-Việt, sang Cao-Mèn, Ai-Lao. Chẳng những thế, Đạo đã vượt qua muôn trùng biển cả tới Âu-Châu, Mỹ-Châu.

Đạo Cao-Đài đã có đại diện trong nhiều cuộc hội nghị Quốc-tế về Thần-học và Tôn-Giáo. Ấy là ông Gabriel Gobron. Ông đã đại diện lần thứ nhất cho đạo Cao-Đài trong Hội-Nghị Quốc-tế về Thần-học tại Barcelone (năm 1934), lần thứ nhì trong Hội-Nghị Quốc-Tế về Tôn-giáo tại Luân-don (1936), lần thứ ba trong Hội-Nghị Quốc-Tế về Thần-Học tại Glasgow (1933), lần thứ tư trong Hội-Nghị Quốc-Tế về Tôn-Giáo tại Ba-Lé (1939).

Một tờ báo Áu-Châu có viết về đạo Cao-Đài như sau: «Đạo Cao-Đài sẽ có một trọng trách lớn-lao trong những hội nghị Quốc-Tế về Tôn-Giáo. Tất cả mọi người đều chú ý đến diêm đạo Cao-Đài có cái lý-tưởng hợp nhất các Tôn-Giáo để đem thái bình, ổn định lại cho thế gian. Đấy cũng là mục đích chúng ta theo đuổi.»

**D. — TỔ-CHỨC QUÂN ĐỘI CAO-ĐÀI.** — Các Tin-dồ Cao-Đài tuy theo đạo nhưng không quên những bồn-phận của con người thế gian.

Gặp phải buồi ly loạn, đất nước bị quân ngoại xâm dày xéo, rồi lại bị Cộng-sản mưu mô đặt ách độc tài, các tin-dồ Cao-Đài đã đứng lên đấu tranh để cứu nước cũng như để bệnh yết nền đạo.

Dưới sự lãnh đạo của Đức Hộ-Pháp, Quân-Đội đã được thành lập, tổ-chức có hệ thống, có quy củ. Và hơn hết, đạo quân ấy có một tinh-thần đạo mạnh mẽ đi đôi với một tinh-thần ái-quốc rất cao, sẵn sàng phục vụ cho nền đạo cũng như sẵn sàng phụng sự cho Quốc-Gia Dân-Tộc. Nhờ đó mà quân đội được lòng dàn, đi đâu cũng được triều mến, hoan-hò, cõi võ.

Trong vòng chưa đầy mươi năm, quân đội Cao-Đài đã phát triển từ vài ba đại đội lên đến ba bốn mươi tiểu đoàn, quân số có tới non ba vạn, đặt dưới quyền Tổng-Tư-Lệnh của Trung-Tướng Nguyễn Thành-Phương, một vị tướng-lãnh-trẻ tuổi, dũng róng, tài cao. Đấy là một lực-lượng đáng kề trong công cuộc tranh đấu chống ngoại xâm và diệt Cộng-sản hiện tại.



## Lòng chiêm ngưỡng của các tín đồ và của nhân dân Việt-Nam..

Công nghiệp của Đức Hộ Pháp Phạm-công-Tắc, Chưởng quản cả Hiệp-Thiên-Đài lân Cửu-Trùng-Đài, cầm quyền thống nhất chính trị đạo của Cao-Đài Tam Kỳ Phổ Độ, thật là vĩ đại. Chẳng những tín đồ chúng ta tin tưởng ở Ngài mà tất cả dân tộc Việt-Nam khâm phục Ngài. Hơn nữa tất cả thế giới cũng hướng về đất thánh Tây-ninh mà chiêm ngưỡng.

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đặt dưới quyền thống nhất của Ngài, mỗi ngày một bành trướng. Ảnh hưởng thiêng liêng của Ngài rất rộng lớn, đã vượt qua cả biên-thùy Đông-Phương, lan tràn chảng những ở Âu Châu mà còn cả ở Nam-Mỹ và Bắc-Mỹ.

Ngày nay giữa cảnh cốt nhục tương tàn trong nước và giữa cảnh sa đọa của thế giới hỗn loạn, tất cả tín đồ ở Việt-Nam cũng như ở Thế-Giới đều ngưỡng vọng ở Ngài, theo mệnh lệnh của Đức Chí-Tôn, ra tay cứu thế, đưa dân tộc đến bến vinh quang, đưa nhân loại đến bờ ổn định và dẫn dắt các bồn đạo tới mức Chân, Thiện, Mỹ.



# MỤC - LỤC



	TRANG
Mở đầu . . . . .	7
Thời kỳ niên thiếu . . . . .	10
Buổi tráng niên . . . . .	24
Thời kỳ ngộ đạo . . . . .	27
Những trở lực trên đường hành đạo . . . . .	31
Công-nghiệp . . . . .	35



**Lòng chiêm ngưỡng của các tín  
đồ và của nhân dân Việt-Nam**



TIỂU-SỬ ĐỨC HỘ PHÁP  
PHAM-CÔNG-TẮC XUẤT-BẢN  
NHÂN DỊP SINH-NHẬT CỦA  
NGÀI NĂM 66 TUỔI (MỒNG 5  
THÁNG 5 NĂM ẤT-MÙI TỨC  
24-6-55), ẤN-HANH LẦN THỨ  
NHẤT 30.000 BẢN. NGOÀI NHỮNG  
BẢN THƯỜNG CÓ 500 BẢN ĐẶC-  
BIỆT ĐÁNH DẤU TỪ P. C. T. L.  
— ĐẾN P. C. T. D. —  
NHÀ XUẤT-BẢN LÊ-VĂN-TRUNG  
— GIỮ BẢN QUYỀN —